

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HS-ST
Ngày : 15 - 6- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Kim Phi;
2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Trúc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thùy Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2020/TLST- HS, ngày 04 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 771/2020/QĐXXST- HS ngày 27 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành N, sinh năm 1991, tại huyện T, tỉnh Bình Định; nơi cư trú thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp Thợ cơ khí; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Trần Thị C; vợ là Lê Thị Ngọc T, có 01 con sinh năm 2017, tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Trần Thanh T, sinh năm 1968; nơi cư trú thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1992, nơi cư trú thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định, vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1984, nơi cư trú khu vực B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

2. Trần Thị C, sinh năm 1968, nơi cư trú thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 08/6/2019, Nguyễn Thành N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77N4-5167 đi ngang qua nhà ông Trần Thanh T phát hiện nhà ông T có vườn cây mai kiểng nên nảy sinh ý định trộm cắp mai bán lấy tiền tiêu xài. N dừng xe trước cổng rồi lén vào vườn bứng trộm 02 (hai) chậu mai gồm: 01 (một) cây mai dáng đổ trồng trong chậu sành màu đỏ và 01 (một) cây mai dáng trực trồng trong chậu sành miệng hình tròn, men màu xanh ra xe chở về nhà của N cất giấu. Đến khoảng 18 giờ ngày 09/6/2019, N điều khiển xe mô tô nói trên đến nhà ông T tiếp tục trộm 01 (một) cây mai dáng trực quỳen trồng trong chậu sành miệng hình bát giác, men màu xanh về nhà của N cất giấu. Đến giữa tháng 8/2019, N đem 03 (ba) cây mai trộm cắp được tại nhà ông T bán cho ông Nguyễn Hoàng N với giá 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) và đã tiêu xài hết số tiền này.

Ngày 11/9/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Tuy Phước đã định giá và kết luận:

- 01 (một) cây mai kiểng dáng đổ 03 chi, đường kính gốc 08cm, cao 50cm, tán rộng 40cm; chậu cây loại sành màu đỏ kích thước cao 15cm, miệng hình tròn đường kính 29cm, đáy hình tròn đường kính 17cm có giá trị thành tiền là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng);

- 01 (một) cây mai kiểng dáng trực 04 chi, đường kính gốc 14cm, cao 10cm, tán rộng 58cm; chậu cây loại sành men màu xanh kích thước cao 17cm, miệng hình tròn đường kính 36cm, đáy hình tròn đường kính 28cm có 04 chân có giá trị thành tiền là 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng);

- 01 (một) cây mai kiểng dáng trực quỳen 05 chi, đường kính gốc 10cm, cao 80cm, tán rộng 70cm; chậu cây loại sành men bát giác màu xanh kích thước cao 23cm, miệng hình bát giác (08cm/cạnh) có bề ngang 45cm, đáy hình tròn đường kính 25cm có giá trị thành tiền là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thành N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKS-TP ngày 29 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Xuất phát từ ý thức xem thường pháp luật, lười biếng lao động nhưng muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên vào ngày 08 và 09/6/2019 tại thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nguyễn Thành N đã lén lút vào vườn mai kiểng của ông Trần Thanh T trộm cắp 03 (ba) cây mai kiểng có giá trị thành tiền là 4.900.000 đồng (bốn triệu chín trăm nghìn đồng). Hành vi của Nguyễn Thành N là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự xã hội ở địa phương, do đó Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị hại ông Trần Thanh T có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Từ những đánh giá và phân tích như trên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù.

Về bồi thường thiệt hại: Đề nghị không xét.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đề nghị không áp dụng.

Bị cáo không tự bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy lỗi lầm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt thấp nhất, để bị cáo có cơ hội lao động nuôi sống gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và nhân chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã thu thập, nên có đầy đủ căn

cứ để xác định vào các ngày 08/6/2019, 09/6/2019 bị cáo đã thực hiện 02 vụ trộm cây mai kiểng của ông Trần Thanh T, cụ thể vào ngày 08/6/2019 bị cáo trộm 01 cây mai dáng đổ trồng trong chậu sành màu đỏ và 01 cây mai dáng trực trồng trong chậu sành miệng hình tròn, men màu xanh; ngày 09/6/2019 bị cáo tiếp tục trộm 01 cây mai dáng trực quyền trồng trong chậu sành miệng hình bát giác, men màu xanh, sau khi trộm bị cáo đem về nhà cất giấu, đến giữa tháng 8 năm 2019 bị cáo đem 03 cây mai bán cho ông Nguyễn Hoàng N với giá 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng). Theo kết luận của Hội đồng định giá thì 03 cây mai bị cáo đã trộm có tổng giá trị thành tiền là 4.900.000 đồng (bốn triệu chín trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn dấu hiệu của tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì lười biếng lao động, coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi khách thể mà bị cáo xâm phạm là tài sản của công dân, là một trong những khách thể quan trọng được Bộ luật hình sự bảo vệ, do đó cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng, trong vụ án này bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp và cả hai lần đều đủ định lượng trên 2.000.000 đồng, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Sau khi bị phát hiện bị cáo đã hoàn trả số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) cho ông Nguyễn Hoàng N, bị hại ông Trần Thanh T có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa có hành vi vi phạm pháp luật nào phải bị xử lý, tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trả cho người bị hại, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục số tiền 18.000.000 đồng cho ông N, bị cáo có hoàn C gia đình khó khăn, cha bị cáo mới mất vì bệnh ngặt nghèo và cũng vì muốn kiếm tiền thuốc thang cho cha mà bị cáo mới lâm vào con đường phạm tội, mẹ bị cáo hiện đang điều trị bệnh tại thành phố Hồ Chí Minh, vợ bị cáo ở nhà nuôi con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, nếu bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thì gia đình của bị cáo sẽ lâm vào hoàn cảnh rất khó khăn, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có công việc ổn định nên xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội

mà xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ để tạo điều kiện cho bị cáo vừa lao động, vừa cải tạo nuôi sống gia đình và việc cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Phước đã thu giữ và trả lại ba cây mai kiểng cho ông Trần Thanh T, ông T không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bị cáo đã trả lại số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) cho ông Nguyễn Hoàng N, ông N không có yêu cầu bồi thường gì nên Tòa không xét.

Đối với Nguyễn Hoàng N khi mua ba cây mai kiểng, không biết ba cây mai này là do N trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối N là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 77N4-5167 do bà Trần Thị C là mẹ của Nguyễn Thành N làm chủ sở hữu; khi N sử dụng xe mô tô nói trên dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, bà C không biết nên Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ chiếc xe này.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự còn qui định hình phạt bằng tiền, nhưng xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng.

Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên miễn khấu trừ thu thập.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thành N cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Người bị kết án Cải tạo không giam giữ phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/6/2020). Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- CQ CSĐT Công an huyện Tuy Phước;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Duy Minh

